

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai, bà Nguyễn Thị Hân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1047/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Hà Q, sinh năm 1968; địa chỉ: số A, tổ A, hẻm N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Võ Phương L, sinh năm 1974; vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1968; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số A, tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Hà Q (sau đây gọi tắt là nguyên đơn hoặc ông Q) trình bày: Do quen biết, ngày 12-7-2023, ông có cho vợ chồng bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G vay số tiền 1.980.000.000 đồng, mục đích vay để mua tài sản, khi vay hẹn 05 ngày sau sẽ hoàn lại đầy đủ, có lập Biên nhận nợ ngày 12-7-2023, nội dung biên nhận không thỏa thuận tiền lãi nhưng khi vay các bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 0.2%/ngày, tương đương 6%/tháng. Sau khi vay, bà L, ông G không thực hiện việc trả lãi, trả vốn như thỏa thuận, cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 1.980.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm) tính từ ngày vay 12-7-2023 cho đến nay Tòa án xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, nguyên đơn xác định không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản chính Biên nhận nợ ngày 12-7-2023 có chữ ký, chữ viết họ tên người vay Võ Phương L, Nguyễn Hoàng G.

Bị đơn bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà L, ông G chưa thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo luật định, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L, ông G cùng có trách nhiệm trả cho ông Q số tiền vay 1.980.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính từ ngày vay 12-7-2023 cho đến nay Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Hoàng Hà Q khởi kiện yêu cầu bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G trả nợ vay. Bà L, ông G cư trú trên địa bàn thành phố L nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bà L, ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông G theo

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc giao kết, thực hiện hợp đồng vay:

Theo đơn khởi kiện, lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Q trình bày, ngày 12-7-2023 ông Q có cho vợ chồng bà L, ông G vay số tiền 1.980.000.000 đồng, mục đích vay để mua tài sản, hạn 05 ngày sau sẽ hoàn trả lại đầy đủ. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, bà L, ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù ông Q đã nhiều lần yêu cầu.

Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với nội dung Biên nhận nợ ngày 12-7-2023 có chữ ký, chữ viết họ tên người vay Võ Phương L, Nguyễn Hoàng G.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án ban hành Thông báo số 1270/2024/TB-TA ngày 05-11-2024 yêu cầu bà L, ông G cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của ông Q nhưng bà L, ông G không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định bà L, ông G có vay tiền của ông Q, còn nợ lại 1.980.000.000 đồng và chưa thanh toán nợ.

[4] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà L, ông G trả số tiền nợ vay 1.980.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 12-7-2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy, bà L, ông G chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức 10%/năm là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Theo đó, tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mà bà L, ông G phải thanh toán tính từ ngày 12-7-2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (09-4-2025) là:

$1.980.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/365) \times 637 \text{ ngày} = 345.550.685 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số nợ vay, lãi mà bà L, ông G còn nợ ông Q là 2.325.550.685 đồng.

Do bà L, ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q khởi kiện yêu cầu bà L, ông G trả nợ vay và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, buộc bà L, ông G có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 2.325.550.685 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 2.325.550.685 đồng nên phải chịu 78.511.014 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 147; 227; 228; 271; 273; 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 357; 463; 466; 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Hà Q.

Buộc bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hoàng Hà Q số tiền 2.325.550.685 đồng (Hai tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền vốn vay 1.980.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 345.550.685 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Phương L, ông Nguyễn Hoàng G phải chịu 78.511.014 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm mười một nghìn, không trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Hà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Hoàng Hà Q số tiền 35.700.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001565 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung